DANH MỤC

CÁC GIAO DỊCH BẮT BUỘC PHẢI THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các loại giao dịch | Phạm vi và đối tượng áp dụng | Văn bản tham chiếu |
| I | BỘ TÀI CHÍNH | | |
| 1 | Trong lĩnh vực chứng khoán | | |
| 1.1 | Thanh toán giao dịch chứng khoán | - Giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;  - Giao dịch chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. | - Luật chứng khoán;  - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt. |
| 1.2 | Thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ | Thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ được thực hiện qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 46/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. |
| 1.3 | Giao dịch chứng khoán cho khách hàng của công ty chứng khoán | Giao dịch chứng khoán cho khách hàng của công ty chứng khoán được thực hiện qua ngân hàng thương mại | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán. |
| 2 | Trong lĩnh vực thu, chi ngân sách nhà nước | | |
| 2.1 | Về thu ngân sách nhà nước | - Các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại ngân hàng thương mại thực hiện nộp ngân sách nhà nước bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt hoặc nộp bằng tiền mặt tại ngân hàng thương mại để chuyển nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước;  - Đối với các cá nhân và các đơn vị, tổ chức khác khi thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước phải ưu tiên thanh toán bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước;  - Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC. |
| 2.2 | Về chi ngân sách nhà nước và các khoản chi khác: | Các khoản chi của các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại Kho bạc Nhà nước tới tài khoản của người cung cấp hàng hóa dịch vụ, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước và người thụ hưởng khác tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng, trừ những trường hợp được phép chi bằng tiền mặt quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước;  - Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC. |
| 3 | Trong lĩnh vực thuế | | |
| 3.1 | Thuế giá trị gia tăng | Hàng hóa, dịch vụ mua vào (*trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng*), hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để người nộp thuế giá trị gia tăng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng. | Luật số 31/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. |
| 3.2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | Hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên (*trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật*) phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được trừ chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp. | Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 quy định điều kiện để được trừ chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp. |
| 3.3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | - Nguyên liệu mua trực tiếp của nhà sản xuất trong nước phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế tiêu thu đặc biệt;  - Hàng hoá do các cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài gồm hàng hoá bán và gia công cho doanh nghiệp chế xuất (trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi bán cho doanh nghiệp chế xuất; hàng hóa do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế; hàng hoá mang ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài) phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đầu vào. | - Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;  - Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt quy định về điều kiện khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt;  - Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục áp dụng đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. |
| 4 | Trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | |
| 4.1 | Giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp | Các doanh nghiệp giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp khác thực hiện bằng các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 09/2015/TT-BCT ngày 29/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp;  - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế. |
| 4.2 | Các giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau | Các doanh nghiệp giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau của các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng thực hiện bằng các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 09/2015/TT-BCT ngày 29/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch tài chính của doanh nghiệp. |
| II | NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC | | |
| 1 | Trong hoạt động của tổ chức sử dụng vốn nhà nước | | |
|  | Giao dịch thanh toán | Các tổ chức sử dụng vốn nhà nước không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch, trừ một số giao dịch sau:  1. Thanh toán tiền thu mua nông, lâm, thủy sản, dịch vụ và các sản phẩm khác cho người dân trực tiếp sản xuất, đánh bắt, khai thác bán ra mà chưa có tài khoản thanh toán tại ngân hàng.  2. Thanh toán công tác phí, trả lương và các khoản thu nhập khác cho người lao động chưa có tài khoản thanh toán tại ngân hàng.  3. Các khoản thanh toán để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh liên quan đến bí mật Nhà nước.  4. Bên thanh toán thực hiện việc thanh toán hoặc bên được thanh toán nhận thanh toán tại các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, khu vực nông thôn nơi chưa có tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.  5. Khoản thanh toán với giá trị dưới 20 triệu đồng, trừ trường hợp các khoản thanh toán trong ngày có giá trị dưới 20 triệu đồng cho cùng một mục đích, một đối tượng thanh toán nhưng tổng các khoản thanh toán này lớn hơn 20 triệu đồng. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 33/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định một số trường hợp được thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn nhà nước. |
| 2 | Giải ngân vốn vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng | | |
| 2.1 | Giải ngân vốn vay vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng | - Bên thụ hưởng là pháp nhân.  - Bên thụ hưởng (không bao gồm pháp nhân) có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và số tiền vay ghi trong thỏa thuận cho vay có giá trị trên 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 21/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. |
| 2.2 | Giải ngân vốn vay vào tài khoản thanh toán của khách hàng vay | - Khách hàng thanh toán, chi trả cho mục đích sử dụng vốn vay mà pháp luật quy định phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng.  - Khách hàng là bên thụ hưởng có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã ứng vốn tự có để thanh toán, chi trả các chi phí thuộc chính phương án, dự án kinh doanh hoặc phương án, dự án phục vụ đời sống được tổ chức tín dụng cho vay theo quy định của pháp luật.  - Khách hàng trực tiếp thanh toán, chi trả tiền mua sản phẩm nông nghiệp thuộc lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản từ các cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, hộ kinh doanh và tổ chức hợp tác có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn để khách hàng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phù hợp với mục đích vay vốn ghi trong thỏa thuận cho vay. | - Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt;  - Thông tư số 21/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. |

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC